**Ngày soạn: 18/11/2023**

**Ngày giảng: Thứ ba ngày 21/11/2023**

**KÊ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 12**

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 133: Bài 51: et, et, êt ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vầnet, êt, it; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần et, êt, it; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vầnet, êt, it (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần et, êt, it.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnet, êt, it có trong bài học.Phát triển kỹ năng nói về thời tiết (nóng, lạnh) thể hiện qua trang phục hoặc cảnh sắc thiên nhiên. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các loài lông vũ nhỏ, gần gũi với con người như vịt, vẹt, én,.., hay nhận biết về cảnh sắc của mùa xuân với những “tín hiệu”sinh học từ loài cây đặc trưng cho mùa này (cây đào) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Đối vẹt trên cành cây đang nói chuyện" với nhau; 2. Sự thức dậy của mùa xuân qua những báo hiệu từ cây đào đâm chồi, nảy lộc, nở hoa và đàn én nhỏtừ nơi tránh rét bay về.

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè thông qua hình ảnh các loài chim ríu rít bên nhau, rèn luyện sự tự tin khi phải trình bày (nói, hát,...) trước đám đông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**Máy tính, ti vi

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi chuyền hoa 3 bông (mỗi bông tiếng có từ bật lử, lọ mực, cột mốc,…  -Viết: đôi mắt  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -2 con vẹt đang đậu tren cành cây |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Đôi vẹt ríu rít mãi không hết chuyện. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âmet, êt, it? | - HS nêu và đọc các tiếng: bắc, bậc, thác. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm et, êt, it  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** et, êt, it**:** |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh et, êt, it? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ăn, ân với an để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm t đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê, i |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: et, êt, it Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần et  - HS tháo chữ e, ghép ê vào để tạo thành êt  - HS tháo chữ ê ghép i vào để tạo thành it |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| - Đọc tiếng trong SHS. |  |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vần et đã học, làm thế nào để có tiếng vẹt? | Lấy chữ ghi âm th ghép trước ac, thêm dấu sắctrêna xem ta được tiếng thác |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | v | et | | Vẹt | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (vờ - ét – vét – nặng – vẹt) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. két sét vẹt, dệt, nết, tết, lít mít vịt | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần et, êt,itvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnet, êt, it |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Con vẹt bồ kết quả mít |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: et, êt, it? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần et, êt, itđọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ:et, êt, ít, bồ kết, quả mít và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong e, ê, I với t và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:et, êt, ít, bồ kết, quả mít |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 134: Bài 51: et, et, êt ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần et, êt, it; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần et, êt, it; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vầnet, êt, it (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần et, êt, it.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnet, êt, it có trong bài học.Phát triển kỹ năng nói về thời tiết (nóng, lạnh) thể hiện qua trang phục hoặc cảnh sắc thiên nhiên. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các loài lông vũ nhỏ, gần gũi với con người như vịt, vẹt, én,.., hay nhận biết về cảnh sắc của mùa xuân với những “tín hiệu”sinh học từ loài cây đặc trưng cho mùa này (cây đào) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Đối vẹt trên cành cây đang nói chuyện" với nhau; 2. Sự thức dậy của mùa xuân qua những báo hiệu từ cây đào đâm chồi, nảy lộc, nở hoa và đàn én nhỏtừ nơi tránh rét bay về.

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè thông qua hình ảnh các loài chim ríu rít bên nhau, rèn luyện sự tự tin khi phải trình bày (nói, hát,...) trước đám đông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**Máy tính

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:** Hát bài hát: Có con chim vành khuyên nhỏ  [**https://www.youtube.com/watch?v=qPPDxL7t2QU**](https://www.youtube.com/watch?v=qPPDxL7t2QU)  **5. Viết vở.** | -HS khởi động |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: et, êt, it viết từ ngữ: bồ kết, quả mít (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện. | - HS lắng nghe. |
| **6. Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| +) Tiếng nào chứa vần et, êt, ít? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa et, êt, íttheo yêu cầu của GV. |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| +) Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |
| -HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Thời tiết được miêu tả như thế nào?  + Mấy cây đào được miêu tả như thế nào?  + Khi trời ấm, điểu gì sẽ xảy ra? | + Cái rét vẫn đậm  + Mấy cây đào đã chi chít lộc non.  + Đàn én nhỏ lại ríu riys bay về |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **7. Nói theo tranh.: thời tiết** |  |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  +Các em nhìn thấy những ai trong tranh?  + Những người đó mặc trang phục gì?  +Trang phục của họ cho thấy thời tiết như thế nào?  -GV yêu câuHS nói về thời tiết khi nóng và lạnh. HS cần ăn mặc hay cần chú ý điều gì khi nóng và lạnh. Kết nối với nội dung bài đọc: Trời ấm, hoa đào nở, chim én bay về,... GV mở rộng: gìúp HS hiểu được con người, cũng như động vật, cây cối,... cần thay đổi để phù hợp với thời tiết.  \* GV liên hệ: Các con cần ăn mặc cho phù hợp với thời tiết để đảm bảo sk  \*HDHS làm bài tập trong VBT TV  **\*. Củng cố :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm et, êt, it. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn HS ôn lại bài, chuẩn bị bài sau. | -HS quan sát tranh  + .. nhìn thấy các bạn nhỏ.  + Bạn nam quần áo ngắn tay, 1 bạn mặc quần áo ấm  + HS trả lời  -HS làm bài  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... **TIẾNG VIỆT**

**Tiết 135: Bài 52: ut, ưt ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc dúng các vầnut, ưt; đọc dúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ut, ưt; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vầnut, ưt (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vầnut, ưt

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnut, ưt có trong bài học.kỹ năng nói về niềm vui, sở thích. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết những chi tiết trong tranh về hoạt động của con người (một trận bóng đá) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Câu thủ số 7 đang sút bóng; 2. Một trận bóng đá nhi đồng khi câu thủ số 7 vừa ghi bàn, các khán gìả nhí đang hò reo ăn mừng chiến thắng; 3. Một trận bóng đá ở trường của các bạn học sinh lớp 1A và 1B.

- Cảm nhận được tinh thần đồng đội trong thể thao thông qua đoạn văn học và hình ảnh trong bài, ứng dụng tinh thần ấy trong các hoạt động nhóm hay hoạt độngtập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:** Máy tính

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Ô chữ bí mật (mỗi ô chữ có từ con vẹt, bồ kết, quả mít, ríu rít,  -Viết: con vẹt  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -cầu thủ đang sút bóng |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Cầu thủ số 7 thu hút khan giả bằng một cú sút dứt điểm. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âmút, ưt? | - HS nêu và đọc các tiếng: hút, sút, dứt. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm ut, ưt  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** ut, ưt |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh ut, ưt? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ut, ưt với nhau để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm t đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: u,ư. |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: ut , ưt.Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ut  - HS tháo chữ u, ghép ư vào để tạo thành ưt. |
| - Tổ chức đọc.  - Đọc tiếng trong SHS. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vầnut đã học, làm thế nào để có tiếng sút? | Lấy chữ ghi âm th ghép trước ac, thêm dấu sắctrêna xem ta được tiếng thác |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | s | ut | | sút | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (sờ - út – sút – sắc - sút) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc.:bụt , hụt, lụt, sụt, dứt, mứt, nứt, sứt. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần ut, ưtvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnet, êt, it |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  bút chì mứt dừa nứt nẻ |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: ut, ưt? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần ut, ưtđọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ: ut, ưt, bút chì, mứt dừa và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong u, ư với t và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:ut, ưt, bút chì, mứt dừa |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt**

**Tiết 136: Bài 52: UT ƯT( tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Giúp HS**

- Nhận biết và đọc dúng các vần *ut, ưt*; đọc dúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ut, ưt*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

Viết đúng các vần ut, ưt (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần ut, ưt

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ut, ưt có trong bài học. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết những chi tiết trong tranh về hoạt động của con người (một trận bóng đá) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: 1. Câu thủ số 7 đang sút bóng; 2. Một trận bóng đá nhi đồng khi câu thủ số 7 vừa ghi bàn, các khán gìả nhí đang hò reo ăn mừng chiến thắng; 3. Một trận bóng đá ở trường của các bạn học sinh lớp 1A và 1B.

- Cảm nhận được tinh thần đồng đội trong thể thao thông qua đoạn văn học và hình ảnh trong bài, ứng dụng tinh thần ấy trong các hoạt động nhóm hay hoạt động tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, bài Point.

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:** Hát bài hát: Quả bóng tròn.  [**https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=\_v\_O-Rl9YFI**](https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=_v_O-Rl9YFI)  **5. Viết vở.** | -HS khởi động |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: ut, ưt viết từ ngữ: bút chì, mứt dừa (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện. | - HS nhận xét. |
| **6. Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| +) Tiếng nào chứa vần ut, ưt? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa ut, ưt theo yêu cầu của GV. |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| +) Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |
| - GV yêu câu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Trận đấu thế nào?  + Ở những phút đầu, đội nào dẫn trước?  + Ai đã san bằng tỉ số?  + Cuối cùng đội nào chiến thắng?  + Khán gìả vui mừng như thế nào? | + Trận đấu thật gay cấn  + Đội bạn dẫn trước.  + Cầu thủ số 7  + Đội lớp 1B thắng  + Khán già hò reo, nhảy múa |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **7. Nói theo tranh.: đá bóng** |  |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  + Tên của môn thể thao trong tranh là gì?  Em biết gì về môn thể thao này?  + Em từng chơi môn thể thao này bao gìờ chưa?  + Em có thích xem hay chơi không? - GV yêu câu HS có thể trao đổi thêm về thể thao và lợi ích của việc chơi thể thao.  \*GV liên hệ: Các con có quyền được chơi những môn thể thao mà mìn yêu thích  \*HDHS làm bài tập trong VBT TV  **\*. Củng cố :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm et, êt, it. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn HS ôn lại bài, chuẩn bị bài sau. | -HS quan sát tranh  + bóng đá  + Hai đội đá bóng có trọng tài, đội nào đá bóng vào lưới đội kia nhiều hơn thi đội ấy thắng..  + HS chia sẻ  -HS làm bài  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

. **TIẾNG VIỆT**

**Bài 53: ap, ăp, âp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vầnap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ă, ăp,âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vầnap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ap, ăp, âp có trong bài học. Phát triển kỹ năng sử dụng các đồ vật quen thuộc. kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người.

- Cảm nhận được tình cảm, sự gần gũigìữa các thành viên trong gìa đình được minh hoạ trong tranh; từ đó yêu mến gìa đình của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:** Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Ô chữ bí mật (mỗi ô chữ có các từ trong bài 52)  -Viết: nứt nẻ  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -mẹ lai be bằng xe đạp, đường phố có đông người |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Mẹ đạp xe đưa Hà đên lớp. Khắp phố tấp nập. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âm: ap, ăp, âp? | - HS nêu và đọc các tiếng: hút, sút, dứt. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm: ap, ăp, âp  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** ap, ăp, âp |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh ap, ăp, âp? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ap, ăp, âp với nhau để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm p đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: ap, ăp, âp |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: ap, ăp, âp. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ap  - HS tháo chữ a, ghép ăvào để tạo thànhăp  - HS tháo chữ ă ghép â vào để tạo thành âp |
| - Tổ chức đọc.  - Đọc tiếng trong SHS. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vần ut đã học, làm thế nào để có tiếng đạp? | Lấy chữ ghi âm th ghép trước ac, thêm dấu sắctrêna xem ta được tiếng thác |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | đ | ap | | đạp | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (đờ - áp – đáp – nặng – đạp) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc.:rạp sạp tháp bắp cặp gặp …. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần ap, ăp, âpvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnap, ăp, âp |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Xe đạp cặp da, cá mập |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: ap ăp âp ? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần ut, ưt đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ:ap ăp ăp cặp da cá mập và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong a, ă với pvà giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:ap, ăp, âp, cặp da, cá mập |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**CHỦ ĐỀ 3: TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM**

**Tiết 1: SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**Trưng bày và giới thiệu sản phẩm ở "Góc tri ân" thầy cô.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết được những việc làm để thể hiện tri ân các thầy cô ngày 20-11.

- Có kỹ năng biết làm các sản phẩm để bày tỏ lòng biết ơn thầy cô.

- Rèn kĩ năng mạnh dạn, tự tin khi trình bày các sản phẩm của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên:** Máy tính, phần mềm zoom. Một số bài hát, video về thầy cô

[**https://www.youtube.com/watch?v=Z7r3BK0wpqU**](https://www.youtube.com/watch?v=Z7r3BK0wpqU)

**2. Đối với HS:** Máy tính, điện thoại, 1 số bức tranh, hình ảnh để giới thiệu về thầy cô của mình.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Chào cờ: (5)**  - Ổn định tổ chức  -GV điều khiển lễ chào cờ  - Lớp nghe hát Quốc ca, Đội ca.  - GV nhận xét thi đua  - GV triển khai kế hoạch tuần  **2.Làm thiệp để kính tặng thầy cô**  -GV nêu câu hỏi: Trong lớp có những bạn nào đã biết làm thiệp?  -Mời 1-2 HS giơ tay nói về cách làm thiệp  -GV HD HS làm thiệp theo trình tự  -GV giới thiệu 1 số mẫu thiệp để HS tham khảo  -GV gợi ý cho HS có thể vẽ tranh, làm bông hoa, … để bày tỏ lòng biết ơn của em đối với thầy, cô giáo  -HS thực hành làm sản phẩm theo ý tưởng, ý thích của bản thân  -Tổ chức cho HS tặng thầy cô sản phẩm đã làm được  -GV cảm ơn và dặn dò những điều thầy cô mong muốn ở các em HS của mình  **3.Trưng bày các sản phẩm để tạo góc tri ân**  **\* Bước 1: yêu cầu HS chia sẻ những ki niệm về thầy cô của mình.**  **\*Bước 2: HS chia sẻ những hình ảnh bằng cách vẽ, làm những tấm thiệp, bó hoa , hộp quà giới thệu trước lớp.**  **+ Em cảm thấy như thế nào khi tạo ra một một sản phẩm đê tặng cho thầy cô?**  **\*GV chốt:** Mỗi một sản phẩm đều chứa đựng tình yêu thương của HS dành cho thầy cô. Vì vậy mình phải biết yêu quý sản phẩm do mình làm ra.  **3. Chia sẻ một kỉ niệm của thầy cô đã dạy chúng ta:**  - Dù là kỷ niện có vui, có buồn thì điều mong muốn của các thầy cô đều mong các con chăm ngoan, học giỏi nghe lời ông bà, bố mẹ xứng đáng là con ngoan, trò giỏi?  **4 . Củng cố**  + Muốn có 1 sản phẩm để tặng tri ân thầy cô thì em chọn sp nào? Vì sao? | -Học sinh tham gia  -HS lắng nghe.  - HS trả lời  -HS chia sẻ  -HS trả lời  -HS chia sẻ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Ngày soạn: 19/11/2023**

**Ngày giảng: Thứ tư ngày 22/11/2023**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 53: ap, ăp, âp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vầnap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ă, ăp,âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vầnap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ap, ăp, âp có trong bài học. Phát triển kỹ năng sử dụng các đồ vật quen thuộc. kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người.

- Cảm nhận được tình cảm, sự gần gũigìữa các thành viên trong gìa đình được minh hoạ trong tranh; từ đó yêu mến gìa đình của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:** Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần ap, ăp, âp.  - GV yêu câu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ap, ăp, âp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần. một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rói cả lớp đọc đồng  - GV yêu câu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Khi ngủ, “ tôi” thế nào?  + Thức dậy, “ tôi” có thể làm gì?  + Bạn có thể làm gì nếu có “tôi”?  + “Tôi” là ai?  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu câu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  Khi nào em phải đội mũ bảo hiểm?  Khi nào em dùng mũ vải?  Đò vật nào quen thuộc khác mà em muốn nói với các bạn?  - GV yêu câu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về những đồ vật quen thuộc.  **8. Củng cố**  - GV yêu câu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ap, ăp, ât và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần at, ăt, åt và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -Hs tìm  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 54: op, ôp, ơp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần op, ôp, ơp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần op, ôp, ơp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần op, ôp, ơp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần op, ôp, ơp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnop, ôp, ơp có trong bài học. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật sống ở ao hố và hiện tượng thời tiết. kỹ năng nhận biết và nói về ao, hồ. Qua đó, HS cũng có thể có thêm hiểu biết về thế gìới xung quanh và có những ứng xử phù hợp.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Ô chữ bí mật (mỗi ô chữ có các từ trong bài 53)  -Viết: cặp da  - Nhận xét. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  -HS viết bảng con |
| **2. Nhận biết** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +) Em thấy gì trong tranh? | -có các chú ếch, những con cá và những hạt mưa |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  + Mưa rào rơi lộp độp, ếch nhái tụ họp thi hát, cá cờ há miệng đớp mưa. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +) Tiếng có chứa âm: op, ôp, ơp? | - HS nêu và đọc các tiếng: lộp, độp, họp, đớp. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm: op, ôp, ơp  . Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **a. Đọc vần:** op, ôp, ơp |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +) So sánh op, ôp, ơp? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ap, ăp, âp với nhau để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm p đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: o, ô, ơ |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: op, ôp, ơp. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần op  - HS tháo chữ o, ghép ô vào để tạo thànhôp  - HS tháo chữ ô ghép ơp vào để tạo thànhơp |
| - Tổ chức đọc.  - Đọc tiếng trong SHS. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **b. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ vầnop đã học, làm thế nào để có tiếng họp? | Lấy chữ ghi âm h ghép trước op, thêm dấu nặngdưới o xem ta được tiếng họp. |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: thác   |  |  | | --- | --- | | h | op | | họp | |   - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu thác  (hờ - óp – hóp – nặng – họp) | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc.:cọp góp họp hộp tốp xốp ….. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần op, ôp, ơpvới các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vầnop, ôp, ơp |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HSđọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Con cọp lốp xe tia chớp |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: op ôp ơp? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần op, ôp, ơpđọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **4. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ:op, ôp, ơp, lốp xe, tia chớpvà hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong o, ô ơ với p và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con:op, ôp, lốp xe, tia chớp |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS  \* Củng cố - Dặn dò:  - Gọi HS đọc lại bài  - Nhận xét tiết học. | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**TOÁN**

**Bài 26: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

**1. Giáo viên**

- Bảng phụ.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

**2. Học sinh**

- Vở bài tập toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Hoạt động mở đầu (4-5’)**  **\* Khởi động**  - Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 6. | -HS thực hiện các hoạt động sau. |
| - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.  **\* Kết nối:** Giới thiệu bài trực tiếp | - Chia sẻ: Cách trừ của mình; Để có thể tìm nhanh, chính xác kết quả phép tính cần lưu ý điều gì? |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập ( 23-25’)**  **Bài 1**  - Cho HS làm bài 1: |  |
| + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài. |  |
| + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? . | - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. |
| -GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính. Gọi một vài cặp HS chia sẻ cách tính nhẩm cho cả lớp nghe. |  |
| **Bài 2.**  **-** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). |  |
| ***Lưu ý:*** Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chi chú ý đến kết quả của phép tính. |  |
| **Bài 3**  - Cho HS tự làm bài 3: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ổ có ghi số chỉ kết quả tương ứng. | - Thảo luận với bạn về chọn ổ có số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. |
| ***Lưu ý:*** Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. |  |
| **Bài 4**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. | - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lóp. |
| *Vi dụ:* a) Trong bến có 6 xe ô tô. Có 3 xe ô tô rời khỏi bến. Còn bao nhiêu xe ô tô đang đậu trong bến? Thực hiện phép trừ 6 - 3 = 3. Còn 3 xe ô tô đang đậu trong bến.  Vậy phép tính thích hợp là 6 - 3 = 3. | - HS làm tương tự với trường hợp b). |
| -GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |  |
| **3. Hoạt động vận dụng ( 5-6’)**  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. | - 4-5 HS trả lời |
| **\* Củng cố, dặn dò**  **-** Tổng kết, nhận xét nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS nghe |

**IV: ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY ( Nếu có).**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TNXH**

**Bài 7: TH QUAN SÁT CUỘC SỐNG XUNG QUANH TRƯỜNG (TIẾT 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận ra được những địa điểm quen thuộc và các loại toà nhà , đường phố , ... xung quanh trường học .

- Giới thiệu được về hoạt động sinh sống và đi lại của người dân ở quanh trường bằng những hình thức khác nhau ( vẽ , viết , đóng vai , ... ) . Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát .

-Biết cách quan sát , ghi chép và trình bày kết quả quan sát . Định vị được mình đang đứng ở chỗ nào hoặc đang đi đến đâu ở cộng đồng xung quanh trường học .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các Phiếu quan sát ( theo SGK ) .

- Giấy A0 , giấy màu , bút màu , băng keo , kéo .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **\*Mở đầu:**  - Ổn định  - GV cho HS hát kết hợp vận động  - Giới thiệu bài  **\*LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  ***Hoạt động 2 : Thực hiện quan sát cuộc sống xung quanh trường***  \* Mục tiêu  - Tập trung quan sát những gì đã được nhóm phân công .  - Hoàn thiện được phiếu  \* Cách tiến hành  - GV HD HS đi theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ quan sát hiện trường theo sự phân công của nhóm .  - Trong quá trình đi tham quan HS cần tập trung theo sự HD của GV  - GV bao quát hoạt động của các nhóm , hỗ trợ hướng dẫn thêm các em  - Hết thời gian , GV tập hợp HS và dẫn các em trở lại trường  .- GV nhận xét quá trình tham quan  **\*Tổng kết, nhận xét**   * Gv nhận xét giờ học, khen ngợi | * HS hát   HS đi tham quan theo sự hướng dẫn của GV   * Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY***( Nếu có)*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN**

**TIẾT 34**: **PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (Tiếp theo- Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Nhận biết được 1 số phép tính trừ trong phạm vi 6

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Các que tính, các chấm tròn. Một số tình huống thực tế có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

- HS: VBT, SGK, bộ đồ dùng toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| **A. Hoạt động khởi động 5’**  - GV Cho học sinh chơi trò chơi “Đố bạn”, để tìm kết quả của các phép trừ phạm vi 6 đã học.  - GV tóm lại: | - HS chơi trò chơi. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức 15’** |  |
| **- GV hướng dẫn HS tìm kết quả của từng phép trừ trong phạm vi 6:**  **1- 1= 0; 2 - 1= 1; 3 - 1= 2;**  **4 - 1= 3; 5 - 1= 4; 6 - 1= 5;…** | **- HS thảo luận theo cặp đôi: Bạn A rút một thẻ, đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả của phép tính.** |
| -> Giáo viên chỉ vào từng bức tranh và nhấn mạnh các thuật ngữ: trên, dưới, phải, trái, trước sau, ở giữa. | **- Sắp xếp các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định.** |
| - GV giới thiệu bảng trừ trong phạm vi 6 và HD HS đọc các phép tính trong bảng. | **- Đọc cá nhân, nhóm, lớp** |
| + Con có nhận xét gì về đặc điểm của các phép tính trong từng dòng? | **- HS trả lời** |
| - GV tổng kết: Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 1;….; Dòng thứ sáu được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 6. |  |
| **C. Hoạt động thực hành luyện tập** |  |
| **Bài 1**. **Tính nhẩm: 10’** | **Bài 1**.  **- HS nêu yêu cầu** |
| - GV dành 1’ để HS tự nhẩm kết quả của các phép tính. | **- Cá nhân nhẩm** |
| GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện” | **- HS chơi trò chơi**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **4- 3=1** | **4 -1=3** | **5-4=1** | | **5-1=4** | **6-1=5** | **6-3=3** | | **5-5=0** | **6-5=1** | **3-3=0** | |
| **-** GV nhận xét, củng cố |  |
| **Bài 2.** **Tìm các phép tính có kết quả là 2:**  **10’** | **Bài 2.**  **- HS nêu yêu cầu** |
| - Yêu cầu HS tự làm bài cá nhân | **- Tìm kết quả các PT trừ** |
|  | **- Chọn các phép trừ có kết quả là 2.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **4 – 2 = 2** | **5 – 3 = 2** | | | **3 - 1= 2** | | **6 - 4= 2** | | |
| - GV gọi HS chia sẻ trước lớp. | **- Chia sẻ trước lớp** |
| **-** GV nhận xét, củng cố |  |
| **E. Củng cố-dặn dò 2’** |  |
| - Bài học hôm nay em biết được điều gì?  - Về nhà tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để ngày mai chia sẻ với các bạn. | **- HS trả lời** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

............................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày soạn: 20/11/2023**

**Ngày giảng: Thứ năm ngày 23/11/2023**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 54: op, ôp, ơp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần op, ôp, ơp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần op, ôp, ơp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần op, ôp, ơp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần op, ôp, ơp

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vầnop, ôp, ơp có trong bài học. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật sống ở ao hố và hiện tượng thời tiết. kỹ năng nhận biết và nói về ao, hồ. Qua đó, HS cũng có thể có thêm hiểu biết về thế gìới xung quanh và có những ứng xử phù hợp.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần op, ôp, ơp.  - GV yêu câu một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗ HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần op, ôp, ơp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu câu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu câu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Trong cơn mưa, họ nhà nhái làm gì?  + Mặt ao thể nào?  + Đàn cá cờ làm gì?  **7. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS HS quan sát tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Hai bức tranh vẽ gì?  Tranh nào vẽ ao?  Tranh nào vẽ hồ?  Em thấy ao hồ ở đâu?  Em thấy ao và hồ có gì gìống nhau và khác nhau? (Gợi ý: Ao và hồ đều có nước, ao (thường) nhỏ hơn hổ).  Có những loài vật nào sống ở ao hồ? (Gợi ý: cá, éch, nhái,..).  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn ao hồ và môi trường sống nói chung.  lưu ý HS không tắm ở ao hó.....  **8. Củng cố**  GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần op, ôp, ơp và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần op, ôp, ơp và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát .  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -Hs lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS tìm  -HS làm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

............................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 55: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN ( TIẾT 1 +2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vần ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Phát triển kỹ năng viết thông qua viết cầu có từ ngữ chứa một số vần đã học Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể cầu chuyện Mật ong của gấu con, trả lời cầu hỏi về những gì đã nghe và kể lại cầu chuyện. Cầu chuyện cũng gìúp HS rèn kĩ năng sống và ứng xử trong tập thể biết quan tâm chia sẻ với người khác.

- Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  - Đọc vần: HS (cá nhân, nhóm) đánh vần các vần . Lớp đọc trơn CN.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn CN  . GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **3. Đọc đoạn**  -GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc CN .  - GV yêu cầu HS trả lời một số cầu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  *Sáng sáng, Hà dậy sớm làm gì?*  *Một hôm tỉnh giấc, Hà nghe thấy gì?*  *Vì sao con gà của Hà chẳng gáy?*  **4. Viết cầu**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một cầu “Em vẽ vầng trăng sáng” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -Hs viết  -Hs đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và CN đọc một số lần.  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe  -HS viết  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản  QUẠ VÀ ĐÀN BỒ CÂU  Quạ thấy đàn bố cầu được nuôi ăn đầy đủ, nó bỏi trắng lông mình rói bay vào chuống bố câu. Đàn bố câu thoạt đầu tưởng nó cũng là bổ câu như mọi con khác, thế là cho nó vào chuồng. Nhưng qua quên khuẩy và cất tiếng kêu theo lối quạ. Bẩy giờ họ nhà bồ câu xúm vào mổ và đuổi nó đi. Quạ bay trở về với họ nhà quạ, nhưng họ nhà quạ sợ hãi nó bởi vì nó trắng toát, và cũng đuổi cổ nó đi.  (Theo Truyện ngụ ngôn)  **b. GV kể chuyện, đặt cầu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ cầu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt cầu hỏi.  Đoạn 1: Từ đầu đến vào chuồng bồ câu. GV hỏi HS:  1. *Quạ bối trắng lông mình để làm gì?*  Đoạn 2: Từ Đàn bồ câu thoạt đầu đến cho nó vào chuống. GV hỏi HS:  2. *Vì sao đàn bó câu cho qua vào chuồng.*  Đoạn 3: Từ Nhưng quạ quên khuấy đến đuổi nó đi. GV hỏi HS:  3. *Khi phát hiện ra quạ đàn bổ câu làm gì?*  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  4. *Vì sao họ nhà quạ cũng đuối quạ đi?*  - GV có thể tạo điểu kiện cho HS để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ cầu chuyện. GV cần tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ cầu chuyện và thi kể chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gìan để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả,  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè cầu chuyện | -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -HS kể  -HS kể    -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiếng việt**

**Tiết 143: Ôn luyện tuần 11( Tiết 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vầnet, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp;cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vầnet, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:**Máy tính, ti vi, bộ đồ dung tv

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ mở đầu: ( 5)**  **Ôn và khởi động**  - HS đọc, viết et, êt, it, ut, ưt, ap, ăp, âp, op, ơp, ôp  **2. HĐ luyện tập, vận dụng( 35)**  **\*. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  - Đọc vần: HS (cá nhân, nhóm) đánh vần các vần . Lớp đọc trơn đồng thanh.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **\*. Đọc đoạn**  -GV yêu câu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu câu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu câu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Mưa được miêu tả như thế nào?  + Tiếng sấm sét như thế nào?  + Khi mưa dứt, mặt trời thế nào?  + Sau con mưa, vạn vật như thế nào?  **\*. Viết câu**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một câu “Mưa lộp độp rồi dứt hẳn” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS.  \* Củng cố - dặn dò:  -HS đọc lại bài.  -Nhận xét tiết học | -HS đọc  Hs viết bảng con.  -Hs đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe  -HS viết  -Hs lắng nghe |

**Ngày soạn: 21/11/2023**

**Ngày giảng: Thứ sáu ngày 24/11/2023**

**Tiếng việt**

**Tiết 144: Ôn luyện tuần 11( Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các ap, ăp, âp, op, ôp, ơp đã học.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Thêm yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

**1. Giáo viên:** Máy tính,ti vi, bộ chữ

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV cho học sinh xem video các chữ mẫu:  ap, ăp, âp, op, ôp, ơp  <https://www.youtube.com/watch?v=Kimr7dcBhjQ>  - GV yêu cầu học sinh đọc lại các vần  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào bảng con.  ap, ăp, âp, op, ôp, ơp, giáp, bắp, mập, hót, hộp, hớp.  - GV yêu cầu học sinh giơ bảng  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Nhận xét:**  - GV nhận xét bài viết của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **\* Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - hs xem video  - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết bảng con.  - Hs thực hiện.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TNXH**

**Bài 7: TH QUAN SÁT CUỘC SỐNG XUNG QUANH TRƯỜNG (TIẾT 3)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận ra được những địa điểm quen thuộc và các loại toà nhà , đường phố , ... xung quanh trường học .

- Giới thiệu được về hoạt động sinh sống và đi lại của người dân ở quanh trường bằng những hình thức khác nhau ( vẽ , viết , đóng vai , ... ) . Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát .

-Biết cách quan sát , ghi chép và trình bày kết quả quan sát . Định vị được mình đang đứng ở chỗ nào hoặc đang đi đến đâu ở cộng đồng xung quanh trường học .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các Phiếu quan sát ( theo SGK ) .

- Giấy A0 , giấy màu , bút màu , băng keo , kéo .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **\*Mở đầu:**  - Ổn định  - GV cho HS hát kết hợp vận động  - Giới thiệu bài  **\* LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  **Hoạt động 3 : Xử lí kết quả “ Quan sát cuộc sống xung quanh trường ”**  \* Mục tiêu  - Hình thành kĩ năng so sánh,đối chiếu các kết quả quan sát của các thành viên trong nhóm,kĩ năng ra quyết định,giải quyết vấn đề  - Trình bày kết quả quan sát  \* Cách tiến hành  - GV phát giấy khổ to ( A0 ) để trình bày lại kết quả quan sát theo đúng mẫu phiếu trong SGK .Vẽ hình ( hoặc dùng giấy màu cắt , dán ) trên giấy thể hiện các nhà ở , cửa hàng , chợ , các cơ quan , các cơ sở sản xuất , đường phố , xe cộ đi lại , ... kèm theo những nhận xét ngắn gọn và tập trình bày giới thiệu kết quả quan sát được  - Yêu cầu từng nhóm báo cáo kết quả các em đã quan sát và ghi chép của mình với nhóm  **Hoạt động 4: Tổ chức triễn lãm**  \* Mục tiêu  Trình bày được kết quả quan sát dưới các hình thức khác nhau .  \* Cách tiến hành  - GV yêu cầu các nhóm trưng bày “ triển lãm tranh ảnh” .  - Các nhóm nhận xét , góp ý lẫn nhau .  - GV nhận xét , đánh giá và khen thưởng động viên các nhóm làm tốt .  **3. Hoạt động nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  -Dặn HS giữ lại các sản phẩm để dùng trong bài ôn = ) về chủ đề Cộng đồng địa phương .  **\*Tổng kết, nhận xét**  Gv nhận xét giờ học, khen ngợi | * HS hát   - HS sử dụng bút màu để trình bày và trang trí .  --Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.  - HS thay nhau tập trình bày kết quả quan sát được .  -HS thảo luận theo nhóm 4  -Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.  - Lắng nghe |

**IV: ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY ( Nếucó).**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 12**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 3 “Truyền thống trường em”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…
* HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời LT lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* Mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - LT mời lần lượt các TT lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của lớp trong tuần qua.  - Lần lượt các TT lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo của mỗi tổ, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - LT nhận xét chung tinh thần làm việc của các TT và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà các trưởng ban đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - LT tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm, ban điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở nhóm, ban nào cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - LT mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của Hội đồng tự quản, trưởng ban; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  - LT : Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.  - LT : Trước khi xây dựng kế hoạch tuần tới, mời các bạn ở ban nào về vị trí ban của mình.  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  \* Mục tiêu: HS biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.  \*Cách thức tiến hành:  **-** LT yêu cầu các TT dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến, các tổ lập kế hoạch thực hiện.  - Các tổ thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong mỗi ban.  -LT cho cả lớp hát một bài trước khi các ban báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các TT báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - LT: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các ban.  Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa? (Cả lớp trả lời)  - LT: Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.  - LT: mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề**  Gv yêu cầu HS chia sẻ:  -Những điều đã học hỏi được và cảm nhận của em sau khi tham quan và được nghe giới thiệu về “Góc tri ân” của các lớp trong trường  -Những việc đã làm được để thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô | -HS hát một số bài hát.  Các TT nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của các ban.  - LT nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Các TT thực hiện theo LT  - Các TT thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - TT lên báo cáo.  HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét  -HS biểu diễn các tiết mục văn nghệ về thầy cô. |
| **ĐÁNH GIÁ**   1. **Cá nhân tự đánh giá**   GV HD HS tự đánh giá việc thể hiện lòng kính yêu thầy cô theo các mức độ dưới đây:  -Tốt: Thường xuyên thực hiện được các yêu cầu sau:  +Chủ động chào thầy cô  +Lễ phép, kính yêu thầy cô  +Thực hiện được những việc làm thể hiện lòng kính yêu thầy cô  +Rèn luyện những điều thầy cô dạy hằng ngày  -Đạt: Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  +Có chủ động, tự giác chào thầy cô không  +Có thực hiện được những việc làm thể hiện lòng kính yêu thầy cô không  +Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm,… hay không  **c) Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS tự đánh giá  -HS đánh giá lẫn nhau  -HS theo dõi  -HS lắng nghe |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**HD THỰC HÀNH**

**ÔN LUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**Giúp HS:**

- Ôn luyện các vần ap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ap, ăp, âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần ap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp.

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, bài Point

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Đọc vần: ap, ăp, âp**   **b. Đọc tiếng:**  **c. Đọc từ ngữ.**  **5. Viết vở**  - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần ap, ăp, âp.  - GV yêu câu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ap, ăp, âp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần. một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rói cả lớp đọc đồng  - GV yêu câu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Khi ngủ, “ tôi” thế nào?  + Thức dậy, “ tôi” có thể làm gì?  + Bạn có thể làm gì nếu có “tôi”?  + “Tôi” là ai?  **8. Củng cố**  - GV yêu câu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ap, ăp, ât và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần at, ăt, åt và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  -Hs tìm  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................